



**NHỰA BÌNH MINH**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2007**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH  
BINH MINH PLASTICS JOINT - STOCK COMPANY**

# MỤC LỤC



Thư gửi cổ đông của Chủ tịch Hội đồng quản trị 5

Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007 6

- I. Tình hình kinh tế thị trường.
- II. Các giải pháp đã thực hiện.
- III. Kết quả sản xuất kinh doanh.
- IV. Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2007.
- V. Cơ cấu cổ đông.
- VI. Các sự kiện lớn trong năm 2007.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008 12

- I. Nhận định tình hình chung.
- II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008.
- III. Các biện pháp thực hiện.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007 14

Phụ lục 42

- Lịch sử Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh.
- Số liệu thống kê từ năm 2003 đến năm 2007.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.



## THƯ GỬI CỔ ĐÔNG

### CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH



Kính thưa toàn thể Quý vị cổ đông của Công ty,

Trước tiên, thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty tôi xin chân thành cảm ơn quý vị cổ đông đã gắn bó với Công ty, tin tưởng vào sự phát triển của Công ty trong năm vừa qua và trong thời gian sắp tới.

Kính thưa Quý vị,

Năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia WTO với vai trò là thành viên chính thức, các diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế trên thế giới như những biến chuyển về thị trường chứng khoán, bất ổn về giá dầu... đã có những ảnh hưởng nhất định đến chúng ta. Nền kinh tế trong nước tuy tiếp tục đạt được mức tăng trưởng cao 8,5%/năm nhưng đã xuất hiện những dấu hiệu bất ổn như tỷ lệ lạm phát tăng 12,6%, tình hình bong bóng về bất động sản, sự suy giảm của thị trường chứng khoán, giá nguyên vật liệu tăng cao... Ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Năm 2007, Nhựa Bình Minh kỷ niệm 30 năm ngày thành lập (16/11/1977 – 16/11/2007) với nhiều hoạt động thi đua sôi nổi, thiết thực, đồng thời duy trì sự đoàn kết nhất trí nội bộ và xây dựng văn hóa Công ty. Năm 2007, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu và đầu tư phát triển thị trường.

Với những giải pháp phù hợp, với sự cam kết mạnh mẽ của đội ngũ lãnh đạo và quyết tâm của toàn thể người lao động đã mang lại kết quả một năm thành công của Công ty. Thông qua các con số đầy ý nghĩa như doanh thu tăng trưởng 34%, lợi nhuận vượt kế hoạch 80% và tăng 10,7% so với năm 2006. **Đây là kết quả cao nhất mà Công ty đạt được trong suốt 30 năm hình thành và phát triển của mình. Đồng thời Công ty đã xây dựng thêm nhà máy mới ở phía Bắc, đầu tư thêm các thiết bị và nguồn nhân lực ở phía Nam, tạo những tiền đề tốt cho các bước phát triển tiếp theo trong tương lai.**

Mặc dù kinh tế Việt Nam và cả thế giới có thể khó khăn và bất ổn trong năm 2008, nhưng **Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng rằng với những tiền đề đã có, Công ty sẽ tiếp tục gặt hái được những thành quả khả quan trong năm 2008**. Chúng tôi cam kết liên tục phấn đấu để giữ vững vị thế của Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực ống và phụ tùng ống nhựa. Phấn đấu bảo đảm hài hòa lợi ích của cổ đông, người lao động trong Công ty, lợi ích của khách hàng và trách nhiệm đối với nhà nước.

Kính chúc Quý vị và gia đình sức khỏe, may mắn và thành đạt.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CHỦ TỊCH HĐQT



LÊ QUANG DOANH

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2007

## I. TÌNH HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Tình hình chính trị trong nước ổn định và môi trường kinh tế vĩ mô ngày càng hoàn thiện tạo điều kiện cơ bản để huy động mọi nguồn lực đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước.

Năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam bắt đầu thực hiện các cam kết về gia nhập WTO. Việc gia nhập WTO đã tạo cơ hội cho nước ta mở rộng hợp tác kinh tế toàn diện, khai thác tốt những lợi thế của mình và tranh thủ các nguồn lực, nguồn vốn từ bên ngoài để phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên bên cạnh đó, Việt Nam cũng chịu tác động ngày rõ nét hơn đối với những biến động của thị trường thế giới. Giá nhiều loại nguyên liệu, vật tư, xăng dầu liên tục thay đổi ở mức cao tạo áp lực cho các nhà sản xuất trong nước và làm tăng giá cả tiêu dùng, tỷ lệ lạm phát năm 2007 là 12,6% đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành năm 2007 tăng 17,1% so với năm 2006. Trong đó khu vực kinh tế hà nước tăng 10,3%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng 20,9% (cao nhất trong các khu vực); khu vực đầu tư nước ngoài ước khoảng 18,2% (trích Báo cáo tổng kết năm 2007 của Bộ Công thương).

Riêng ngành nhựa, mặt dù giá nguyên liệu tăng bình quân gần 20%, giá bột uPVC tăng bình quân 16%, thị trường trong nước cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, nhất là trong lĩnh vực ống nhựa các loại, Nhưng doanh nghiệp vẫn đạt được kết quả tăng trưởng cao và toàn diện.

## II. CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là trở thành nhà sản xuất ống nhựa hàng đầu tại Việt Nam thông qua việc phát triển ổn định và bền vững, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong cả nước. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty là duy trì tốc độ tăng trưởng trên 10% hàng năm, phấn đấu bảo đảm hài hòa lợi ích của cổ đông, người lao động trong Công ty, lợi ích của khách hàng và trách nhiệm đối với nhà nước.

Trong năm 2007, khối lượng công việc mà Công ty phải thực hiện là rất lớn. Bên cạnh việc duy trì tăng trưởng sản xuất 15%, Công ty còn phải dốc toàn tâm, toàn sức cho việc hoàn tất và đưa vào hoạt động nhà máy Nhựa Bình Minh miền Bắc, đồng thời phải tổ chức Lễ Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Công ty. Trong khi nguồn nhân lực của Công ty đã đến giới hạn.

Đứng trước tình hình đó, Lãnh đạo Công ty đã đề ra các giải pháp là:

- **Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị:** Thông qua việc tham gia quảng cáo và giới thiệu sản phẩm tại 16 kỳ hội chợ triển lãm trong và ngoài nước. Tích cực mở rộng thị trường trong cả nước. Xây dựng và áp dụng những chính sách kinh doanh linh hoạt hơn để kích thích tiêu thụ. Tính đến thời điểm hiện nay, hệ thống phân phối của Công ty gồm 260 cửa hàng bán sản phẩm trên cả nước, trong đó khu vực miền Bắc là 12 cửa hàng và một đại diện thương mại với 12 chi nhánh, riêng ở TP. HCM là 103 cửa hàng.

- **Đầu tư hợp lý:** Chỉ tập trung đầu tư thiết bị để nâng cao sản lượng phù hợp với nhu cầu thị trường và



đảm bảo đầu tư hiệu quả, không đầu tư dàn trải. Đồng thời tập trung khai thác tốt năng lực thiết bị hiện có với các biện pháp nâng cao năng suất để chủ động đáp ứng nhu cầu hàng hóa của thị trường.

- **Tổ chức phong trào thi đua toàn diện kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Công ty:** Thi đua tăng năng suất, chất lượng, tiết kiệm... với các chỉ tiêu phấn đấu hết sức cụ thể, rõ ràng. Các kế hoạch thực hiện được quản lý và giám sát theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

## III. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:

Nghị quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2007 được thông qua tại Đại hội cổ đông năm 2007 như sau: Doanh thu: 580 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế: 50 tỷ đồng; Tỷ lệ chi trả cổ tức: 15%.

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Mặc dù khối lượng công việc nhiều, tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh, do giá nguyên liệu tăng cao... nhưng nhờ có những giải pháp đúng đắn, kết hợp với sự đồng lòng đồng sức của toàn thể người lao động Công ty vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể của Công ty đạt được trong năm 2007 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2006	KẾ HOẠCH NĂM 2007	THỰC HIỆN NĂM 2007	SƠ VỚI KH 2007 (%)	SƠ VỚI TH 2006 (%)
1	Doanh thu	Tỷ đ	503	580	680	117%	134%
2	Sản lượng	Tấn	22.800	26.000	28.300	109%	124%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	84	50	93	186%	110,7%
4	Nộp ngân sách	-	21	-	37	-	176%
5	Lao động bình quân	người	415	450	500	111%	120%
6	Lương bình quân	Tr.đ/ng/th	5,2	-	5,5	-	106%

- Kết quả **tăng trưởng về sản lượng** trên 24%, **tăng trưởng về doanh thu** 34%. Trong đó giá nguyên liệu PVC tăng bình quân 16%, giá bán sản phẩm tăng bình quân 9% trong năm 2007.

- **Lợi nhuận sau thuế đạt 93 tỷ đồng vượt kế hoạch 86% và tăng 10,7% so với năm 2006.** Tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh, minh bạch.

- Cổ tức đã chi bằng tiền mặt trong năm 2007 là 10% tính trên mệnh giá.

## 2. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2007	NĂM 2006
1	Khả năng thanh toán hiện hành	6,54 lần	9,80 lần
2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	4,61 lần	8,41 lần
3	Khả năng thanh toán nhanh	0,11 lần	2,41 lần
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần	16,36%	19,62%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	22,36%	23,61%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng vốn chủ sở hữu	23,19%	22,63%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.838 đồng	6.812 đồng

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo là: 414.010.397.925 đồng.

- Những thay đổi về vốn cổ đông: Trong năm 2006, Công ty tăng vốn điều lệ từ 139.334.000.000 đồng lên 140.405.800.000 đồng (vốn điều lệ đăng ký là 147.908.400.000 đồng).

- Trong tổng số 14.040.580 cổ phiếu phổ thông có 107.180 cổ phiếu theo chương trình ESOP hạn chế chuyển nhượng (chưa đăng ký lưu ký) trong 05 năm.

- Số lượng cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán: 13.933.400 cổ phiếu.

## 3. Các công ty có liên quan

Công ty hiện là chủ sở hữu của Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh miền Bắc với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng. Công ty mới khai trương và đi vào hoạt động ngày 21/12/2007. Đến 31/12/2007 chưa tiến hành thủ tục bàn giao vốn xong.

## 4. Tổ chức và nhân sự

- Đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành cấp cao của Công ty gồm có một Tổng Giám đốc, một Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật hiện đang được biệt phái làm Giám đốc Công ty Nhựa Bình Minh miền Bắc, một Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kinh doanh và một Kế toán trưởng. Đội ngũ cán bộ điều hành cấp trung gồm có các Trưởng phòng Nhân sự, Quản trị hành chính, Kỹ thuật, Đảm bảo chất lượng và hai Giám đốc Nhà máy.



- Số lượng cán bộ, nhân viên hiện nay đang làm việc tại Công ty là 500 người, trong đó có 63 lao động thời vụ. Công ty thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động, phù hợp với các quy định của Bộ Luật lao động.

## IV. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

- Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ là 3 năm, trong đó có hai thành viên hết nhiệm kỳ năm 2008, hai thành viên hết nhiệm kỳ năm 2009 và một thành viên hết nhiệm kỳ năm 2010. Các thành viên trong Hội đồng quản trị đều là cổ đông và là người lao động trong Công ty, ba thành viên thuộc Ban Tổng Giám đốc, một thành viên là Kế toán trưởng, một thành viên là Giám đốc Nhà máy 2.

- Ban kiểm soát có 3 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 3 năm, trong đó có một thành viên hết nhiệm kỳ năm 2008, một thành viên hết nhiệm kỳ năm 2009 và một thành viên hết nhiệm kỳ năm 2010. Các thành viên của BKS đều là cổ đông và là người lao động trong Công ty.

- Trong năm qua các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã hoạt động tích cực, hoàn thành trách nhiệm công việc của mình. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát duy trì chế độ họp định kỳ đúng quy định. Ngoài ra với lợi thế đều là cán bộ quản lý, điều hành trong Công ty nên Hội đồng quản trị thường xuyên có những trao đổi kịp thời để có những quyết định nhanh và thống nhất trong việc quản lý và giải quyết các vấn đề của Công ty.

- Bên cạnh đó các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không ngừng học tập, tham dự các hội thảo chuyên đề, các khóa đào tạo để nâng cao năng lực quản lý và khả năng ngoại ngữ của mình.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không có mâu thuẫn quyền lợi hoặc bất cứ hoạt động nào xung đột lợi ích gì với Công ty.

- Trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2008 này sẽ tiến hành bầu lại thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát theo Điều lệ mới.



## V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tính đến ngày 21/03/2008)

Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Số CP nắm giữ	Tỉ lệ %
Tổng số cổ đông	1152	13.933.400	100%
• Đã lưu ký:	1148	13.751.630	98,6954%
Trong đó:			
Cá nhân trong nước	979	2.024.320	14,5285%
Tổ chức trong nước	26	4.904.324	35,1983%
Cá nhân nước ngoài	103	62.320	0,4473%
Tổ chức nước ngoài	40	6.760.666	48,5213%
• Chưa lưu ký:	4	181.770	1,3046%
Trong đó:			
Cá nhân trong nước	2	101.270	0,7268%
Tổ chức trong nước	2	80.500	0,5777%

### Tình hình giao dịch của các cổ đông lớn trong năm 2007:

- Citigroup Global Markets Ltd & Citigroup Global Markets Financial Products LLC: Đã mua 55.770 cổ phiếu và bán 57.940 cổ phiếu. Số cổ phần nắm giữ đến 09/11/2007 là 847.000 cổ phần (6,08%).
- SCIC: Ngày 10/10/2007 bán 122.390 cổ phiếu. Số cổ phần nắm giữ sau giao dịch 4.230.290 cổ phần (30,36%).

## VI. CÁC SỰ KIỆN LỚN TRONG NĂM 2007

- Khánh thành nhà máy Nhựa Bình Minh miền Bắc vào ngày 21/12/2007 tại Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh miền Bắc – Khu Công nghiệp Phố Nối – Tỉnh Hưng Yên.
- Tổ chức lễ Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Công ty (16/11/1977 – 16/11/2007) và Đón nhận huân chương độc lập hạng III vào ngày 16/11/2007 tại Hội trường Thống Nhất – TP. Hồ Chí Minh.
- Năm 2007 Công ty vinh dự được Tặng Cờ thi đua của Thủ tướng chính phủ. Đây là năm thứ 3 liên tiếp Công ty đạt được vinh dự này.
- Năm 2007 Thương hiệu Nhựa Bình Minh được bình chọn là Hàng Việt Nam Chất lượng cao lần thứ 12 liên tiếp (1997 – 2008) và Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt lần thứ 3 liên tiếp (2003, 2005, 2007).
- Ngoài ra Công ty còn tổ chức các hoạt động xã hội khác như: Hoạt động vì cộng đồng tại Vũng Tàu nhân dịp 30/04/2007 – Hiến máu nhân đạo tháng 10/2007 – Hội thao Công ty tháng 6/2007...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CHỦ TỊCH HĐQT



LÊ QUANG DOANH

# KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2008

## I. Nhận định tình hình chung

- Tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, hiện đang trên đà suy giảm, nhất là nền kinh tế của Mỹ, dễ dẫn đến suy thoái trong năm 2008 này.

- Tình hình lạm phát trong nước tăng cao và có khả năng trên 12% trong năm nay. Chính phủ đã chỉ đạo giảm chi tiêu và siết chặt các dự án đầu tư chưa thật sự cần thiết. Dự kiến mức tăng trưởng kinh tế chỉ khoảng 7,5% trong năm 2008. Lãi suất ngân hàng tăng cao và các ngân hàng thắt chặt việc cho vay vốn. Thị trường bất động sản trong nước có khả năng đóng băng... đây là các tín hiệu rất xấu cho kinh tế cả nước nói chung và cho ngành nhựa vật liệu xây dựng nói riêng mà Nhựa Bình Minh là một trong số đó.

- Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh miền Bắc mới đi vào hoạt động có thể gặp khó khăn nếu thị trường xây dựng không phát triển như mong đợi.

- Tình hình cạnh tranh trong nước ngày càng gay gắt hơn, ngày càng nhiều đối thủ mạnh về vốn, công nghệ hiện đại thâm nhập thị trường hơn... Trong khi giá dầu biến động tăng cao, do đó giá nguyên liệu nhựa cũng biến động khôn lường và khó dự đoán, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

- Tuy thế, Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh tiếp tục củng cố và phát huy những thế mạnh sẵn có của mình trong năm 2008: Đó là thế mạnh về thương hiệu vững mạnh trong suốt hơn một thập niên qua. Thế mạnh về hệ thống quản trị gọn nhẹ, linh hoạt, có tinh thần hợp tác tốt vì mục tiêu chung. Thế mạnh về đoàn kết nội bộ và giữ gìn Văn hóa Công ty. Các thế mạnh về cơ cấu sản phẩm, thiết bị công nghệ hiện đại, đồng bộ... để hoàn thành kế hoạch đề ra.

## II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008

STT	CHỈ TIÊU	BVT	KH 2008	GHI CHÚ
1	Doanh thu	Tỷ đồng	850	Tăng 25%
2	Sản lượng	Tấn	35.000	Tăng 25%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	
4	Cổ tức	%	15	
5	Lao động bình quân	Người	600	
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/thg	6	



## III. Các biện pháp thực hiện.

- Tăng cường công tác tuyên truyền trong Công ty và bên ngoài về tình hình kinh tế chung của cả nước và tình hình riêng của Nhựa Bình Minh.

- Tăng cường công tác nắm bắt thông tin, thu thập số liệu, làm tốt công tác dự báo thị trường để ra quyết định nhanh trong tình hình thị trường biến động liên tục.

- Công tác kinh doanh, tài chính: Linh hoạt trong việc ký kết các hợp đồng kinh tế dài hạn. Tăng cường công tác theo dõi và kiểm soát công nợ khách hàng.

- Triệt để thực hành tiết kiệm trong sản xuất, trong tiêu hao nguyên vật liệu, trong mua sắm, tổ chức sự kiện... Rà soát lại các hạng mục đầu tư, chú trọng và tập trung cho các dự án trực tiếp tạo ra sản phẩm trước tiên.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ.

- Tăng cường phối hợp giữa Nhựa Bình Minh và Nhựa Bình Minh miền Bắc về mọi mặt nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu của thị trường

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CHỦ TỊCH HĐQT  
  
LÊ QUANG DOANH

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

## Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh được thành lập theo Quyết định số 209/2003/QĐ - BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty nhựa Bình Minh thành Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp được chỉnh sửa lần một ngày 27 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4613000077 ngày 16 tháng 07 năm 2004 cho phép thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh tại tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 147.808.400.000VND

Trụ sở hoạt động

## Văn phòng Công ty

Địa chỉ : 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : 08.9690973

Số Fax : 08.9606814

Mã số thuế : 0301464823

## Chi nhánh công ty cổ phần Nhựa Bình Minh

Địa chỉ : Số 7 đường số 02, khu công nghiệp Sóng Thần, Tỉnh Bình Dương

Số điện thoại : 08.8968465

Số Fax : 0650.790396

## Hoạt động chính của công ty

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su.
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc.
- Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bê tông và kho hàng.
- Dịnh vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

## Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

Trong năm công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2007 như sau :

	VND
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	4.000.000.000
Trích quỹ khen thưởng	6.800.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	13.541.200.000
Chia cổ tức	14.040.580.000

## Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng giám đốc khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2007 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành của công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	22 tháng 04 năm 2006	-
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	22 tháng 04 năm 2006	-
Ông Bùi Quang Khôi	Ủy viên	31 tháng 03 năm 2007	-
Bà Trang Thị Kiều Hậu	Ủy viên	22 tháng 04 năm 2006	-
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Ủy viên	22 tháng 04 năm 2006	-

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

## Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kim Thượng	Trưởng ban	22 tháng 04 năm 2006	-
Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Thành viên	22 tháng 04 năm 2006	-
Bà Đinh Thị Nguyệt Hà	Thành viên	31 tháng 03 năm 2007	-

## Ban tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Doanh	Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	-
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Phó tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	-

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## Xác nhận của Ban Tổng giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty phải :

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Lê Quang Doanh  
Tổng Giám Đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2008

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính năm 2007 của  
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh



## Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2007 được lập ngày 29 tháng 02 năm 2008.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của ban Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

## Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của kiểm toán viên.

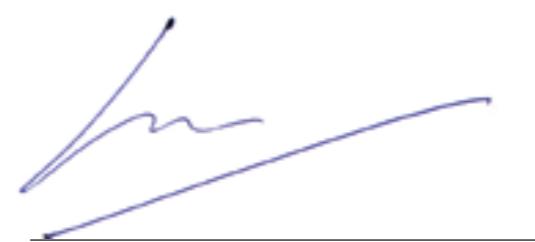
## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV



Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2008

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>348,997,963,204</b>	<b>356,192,090,145</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	<b>8,065,539,347</b>	<b>102,254,312,130</b>
1. Tiền	111		8,065,539,347	102,254,312,130
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		<b>22,150,000,000</b>	<b>15,100,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	22,150,000,000	15,100,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130		<b>156,000,205,144</b>	<b>102,622,377,098</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	88,878,182,912	56,715,194,218
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	53,969,726,262	45,864,077,915
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	13,458,326,269	155,747,685
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(306,030,299)	(112,642,720)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		<b>138,253,844,745</b>	<b>123,308,264,787</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	138,253,844,745	123,308,264,787
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		<b>24,528,373,968</b>	<b>12,907,136,130</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	24,528,373,968	12,907,136,130

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>148,739,171,059</b>	<b>62,094,700,126</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>148,709,171,059</b>	<b>62,064,700,126</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	80,185,946,559	44,736,339,629
<i>Nguyên giá</i>	222		240,798,222,545	183,059,716,990
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(160,612,275,986)	(138,323,377,361)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16,843,202,857	17,286,320,497
<i>Nguyên giá</i>	228		19,317,754,212	19,317,754,212
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,474,551,355)	(2,031,433,715)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	51,680,021,643	42,040,000
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		<b>30,000,000</b>	<b>30,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		30,000,000	30,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>497,737,134,263</b>	<b>418,286,790,271</b>

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

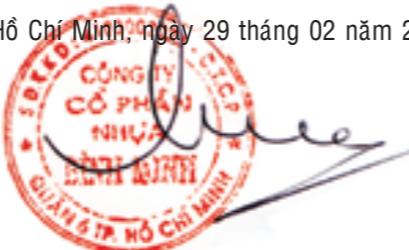
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>76,150,284,813</b>	<b>42,697,926,494</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<b>310</b>		<b>75,626,576,231</b>	<b>42,359,454,887</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	4,600,000,000	4,350,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.13	54,924,451,481	18,820,169,225
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	220,786,526	30,318,925
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	8,482,161,349	11,446,518,791
5. Phải trả người lao động	315	V.16	5,699,874,821	6,211,129,260
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác"	319	V.17	1,699,302,054	1,501,318,686
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<b>320</b>		<b>523,708,582</b>	<b>338,471,607</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.18	523,708,582	338,471,607
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>421,586,849,450</b>	<b>375,588,863,777</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>		<b>414,010,397,925</b>	<b>367,098,426,829</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	140,405,800,000	139,334,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	104,020,925,000	104,020,925,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	102,404,249,703	82,455,348,520
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.19	12,889,415,176	8,889,415,176
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	54,290,008,046	32,398,738,133
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<b>430</b>		<b>7,576,451,525</b>	<b>8,490,436,948</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.20	7,576,451,525	8,490,436,948
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>497,737,134,263</b>	<b>418,286,790,271</b>

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		102,657.70	4,829.55
Euro (EUR)		8,842.74	1,665.70
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2008  
  
 Lê Quang Doanh  
 Tổng Giám đốc

  
 Phùng Hữu Luận  
 Người lập biểu

  
 Trang Thị Kiều Hậu  
 Kế toán trưởng

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	680,230,929,501	503,620,755,901
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	231,090,545	195,559,814
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	679,999,838,956	503,425,196,087
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	538,023,162,526	374,679,015,309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		141,976,676,430	128,746,180,778
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8,121,286,625	1,471,644,847
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	509,924,145	858,419,449
Trong đó: chi phí lãi vay	23		298,149,452	851,956,780
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	19,644,517,936	11,567,495,572
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	19,527,530,542	19,479,434,477
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		110,415,990,432	98,312,476,127
11. Thu nhập khác	31	VI.7	893,438,535	465,621,908
12. Chi phí khác	32	VI.8	37,635,965	1,096,659
13. Lợi nhuận khác	40		855,802,570	464,525,249
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111,271,793,002	98,777,001,376
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	15,261,941,906	15,705,798,612
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96,009,851,096	83,071,202,764
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	6,838	6,812

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2008



  
 Phùng Hữu Luận  
 Người lập biểu

  
 Trang Thị Kiều Hậu  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Quang Doanh  
 Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp  
Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>111,271,793,002</b>	<b>98,777,001,376</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	VI.9,10	23,286,437,097	23,278,311,680
- Các khoản dự phòng	03		193,387,579	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(2,268,048,751)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(421,995,956)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	298,149,452	851,956,780
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>132,359,722,423</b>	<b>122,907,269,836</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(72,333,668,340)	(50,183,647,076)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14,945,579,958)	(19,997,007,382)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		39,557,309,335	(38,513,979,658)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	1,654,736,854
- Tiền lãi vay đã trả	13		(298,149,452)	(851,956,780)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(20,285,564,371)	(4,910,030,471)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		24,386,577	5,231,476,220
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8,128,872,000)	(4,898,331,967)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>55,949,584,214</b>	<b>10,438,529,576</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(101,905,121,696)	(2,110,531,761)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		449,363,636	32,463,537
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,050,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(15,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(108,505,758,060)</b>	<b>(17,078,068,224)</b>

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp  
Năm 2007 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	128,352,280,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12	27,577,765,000	5,850,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.12	(27,327,765,000)	(19,479,603,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(41,907,380,000)	(22,191,378,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(41,657,380,000)</b>	<b>92,531,299,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(94,213,553,846)</b>	<b>85,891,760,352</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>102,254,312,130</b>	<b>16,362,551,778</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24,781,063	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>8,065,539,347</b>	<b>102,254,312,130</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2008



Phùng Hữu Luận  
Người lập biểu

Trang Thị Kiều Hậu  
Kế toán trưởng

Lê Quang Doanh  
Tổng Giám đốc

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến
3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; Thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; Tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi và kho tàng; Dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 là năm tài chính thứ tư của Công ty kể từ khi chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 6
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

## 6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (từ 41 đến 50 năm).

## 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

## 9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

## 10. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## 11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

## 12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

## 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2004 và năm 2005) và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (năm 2006, năm 2007 và năm 2008).

Ngoài ra, Công ty có chứng khoán niêm yết lần đầu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 7 năm 2006 nên được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tiếp theo sau khi hết thời gian miễn, giảm theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## 14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2007 : 16.114 VND/USD

## 15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt  
Tiền gửi ngân hàng  
**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
565.863.459	532.713.076
7.499.675.888	101.721.599.054
<b>8.065.539.347</b>	<b>102.254.312.130</b>

### 2. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn  
• Mua chứng chỉ quỹ Công ty Quản lý quỹ đầu tư Bản Việt, mệnh giá 100.000.000 đồng/chứng chỉ  
• Mua 20.000 cổ phần Công ty cổ phần nhựa Tân Tiến, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần  
Đầu tư ngắn hạn khác (Cho Cơ sở Trường Thịnh vay)  
**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
22.000.000.000	15.000.000.000
18.000.000.000	15.000.000.000
4.000.000.000	-
150.000.000	100.000.000
<b>22.150.000.000</b>	<b>15.100.000.000</b>

### 3. Phải thu khách hàng

Cửa hàng Bùi Xuân Đường  
Cơ sở ống nước Thiên  
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tuyết  
Cửa hàng Tường Vân I  
Cửa hàng Minh Hát  
Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Kim Lợi  
Công ty TNHH Phượng Hoàng  
Công ty TNHH CTN&MT Bình Dương  
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Lạc Việt  
Các khách hàng khác  
**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
8.909.390.621	7.865.692.130
3.181.408.383	1.304.760.341
4.452.011.846	2.300.608.290
18.011.154.210	8.268.123.173
3.458.431.149	2.194.527.487
4.281.627.388	2.916.667.995
8.212.679.231	8.414.408.307
7.624.932.667	3.705.547.131
3.692.777.639	-
27.053.769.778	19.744.859.364
<b>88.878.182.912</b>	<b>56.715.194.218</b>

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## 4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Krauss - Maffei GMBH	21.677.455.566	-
Cincinnali Extrusion GMBH	17.169.721.253	-
Amut S.P.A Via Cameri 16	9.810.750.886	-
Kai-Lien Enterprise Co., Ltd.	1.158.192.000	-
Kawaguchi. Ltd.	841.753.080	-
Công ty Quản lý khai thác KCN phố nối A	-	8.053.154.014
Công ty TNHH nhựa và hóa chất Phú Mỹ	-	30.859.491.300
Các nhà cung cấp khác	3.311.853.477	6.951.432.601
<b>Cộng</b>	<b>53.969.726.262</b>	<b>45.864.077.915</b>

## 5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền hàng Nhựa Bình Minh Miền Bắc	11.372.063.239	-
Phải thu thuế Thu nhập cá nhân của nhân viên	1.815.452.498	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	-	1.567.260
Cho Công đoàn Công ty mượn	150.000.000	150.000.000
Phải thu khác	120.810.532	4.180.425
<b>Cộng</b>	<b>13.458.326.269</b>	<b>155.747.685</b>

## 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	58.755.771	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	122.898.948	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	74.375.580	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	50.000.000	112.642.720
<b>Cộng</b>	<b>306.030.299</b>	<b>112.642.720</b>

## 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang di trên đường	5.250.196.741	-
Nguyên liệu, vật liệu	71.071.150.910	66.204.064.961
Công cụ, dụng cụ	695.924.824	528.648.918
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.041.184.010	20.766.652.330
Thành phẩm	35.195.388.260	35.808.898.578
<b>Cộng</b>	<b>138.253.844.745</b>	<b>123.308.264.787</b>

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## 8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	306.662.950	312.954.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.102.983.646	12.557.276.231
Tài sản thiểu chờ xử lý	118.727.372	36.905.899
<b>Cộng</b>	<b>24.528.373.968</b>	<b>12.907.136.130</b>

## 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Số đầu năm</b>	33.629.270.499	142.899.078.642	5.373.885.707	1.157.482.142	183.059.716.990	
Tăng trong năm	4.326.453.370	53.674.066.426	240.870.000	78.904.271	58.320.294.067	
Tăng do mua sắm	-	53.674.066.426	240.870.000	78.904.271	53.993.840.697	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.326.453.370	-	-	-	4.326.453.370	
Thanh lý, nhượng bán	-	(332.756.402)	(249.032.110)	-	(581.788.512)	
<b>Số cuối năm</b>	<b>37.955.723.869</b>	<b>196.240.388.666</b>	<b>5.365.723.597</b>	<b>1.236.386.413</b>	<b>240.798.222.545</b>	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	15.640.840.960	68.389.985.585	2.961.032.331	686.075.950	87.677.934.826	
nhưng vẫn còn sử dụng						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	25.333.599.826	108.484.104.748	3.634.120.801	871.551.986	138.323.377.361	
Khấu hao trong năm	3.948.444.940	18.225.181.243	506.142.006	163.551.268	22.843.319.457	
Thanh lý, nhượng bán	-	(305.388.722)	(249.032.110)	-	(554.420.832)	
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.282.044.766</b>	<b>126.403.897.269</b>	<b>3.891.230.697</b>	<b>1.035.103.254</b>	<b>160.612.275.986</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	8.295.670.673	34.414.973.894	1.739.764.906	285.930.156	44.736.339.629	
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.673.679.103</b>	<b>69.836.491.397</b>	<b>1.474.492.900</b>	<b>201.283.159</b>	<b>80.185.946.559</b>	
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	6.776.505.780	-	-	6.776.505.780	

## 10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
<b>Số đầu năm</b>	<b>19.317.754.212</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.317.754.212</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	2.031.433.715
Khấu hao trong năm	443.117.640
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.474.551.355</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	17.286.320.497
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.843.202.857</b>

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Chi phí khảo sát, xây dựng Nhà máy nhựa Bình Minh Miền Bắc	26.454.545	51.653.567.098	-	51.680.021.643
Chi phí xây dựng Xưởng trộn bột Nhà máy 2	15.585.455	4.164.186.710	(4.179.772.165)	-
<b>Cộng</b>	<b>42.040.000</b>	<b>55.817.753.808</b>	<b>(4.179.772.165)</b>	<b>51.680.021.643</b>
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>				
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:				
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chi nhánh 6 - TP.HCM	-	14.977.765.000	(14.977.765.000)	-
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam, Chi nhánh Chợ Lớn	-	8.000.000.000	(8.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(a)</sup>	4.350.000.000	4.600.000.000	(4.350.000.000)	4.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.350.000.000</b>	<b>27.577.765.000</b>	<b>(27.327.765.000)</b>	<b>4.600.000.000</b>

<sup>(a)</sup> Vay cá nhân theo lãi suất 0,77%/tháng. Khoản vay này thực chất là khoản ứng trước tiền bảo lãnh của các đại lý Công ty để được mua hàng chậm trả tiền và theo Quy chế Kiểm soát công nợ khách hàng. Công ty phải trả lãi cho khoản tiền ứng trước trên nền Công ty theo dõi như một khoản vay của các cá nhân

## 12. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH nhựa và hóa chất Phú Mỹ	24.712.891.280	-
Công ty TNHH nhựa & hóa chất TPC Vina	22.321.801.975	16.452.109.300
CKG chemicals Pte. Ltd.	1.449.577.306	-
Công ty TNHH Hóa Thịnh	4.076.103.900	52.085.000
Công ty thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ	507.813.590	562.670.065
Các nhà cung cấp khác	1.856.263.430	1.753.304.860
<b>Cộng</b>	<b>54.924.451.481</b>	<b>18.820.169.225</b>

## 13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cửa hàng Xuân Thi	151.309.856	-
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Việt Á	25.542.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Minh	32.762.200	-
Cửa hàng VLXD Chí Thành	-	1.032.000
Cửa hàng Phú Thành	-	3.933.516
Công ty Cổ phần NPL Dệt May Bình An	-	3.000.000
Công ty TNHH XD Hòa Bình	-	21.204.500
Các khách hàng khác	11.172.470	1.148.909
<b>Cộng</b>	<b>220.786.526</b>	<b>30.318.925</b>

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	616.138.618	16.546.802.843	(16.466.967.046)	695.974.415
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.720.964.610	(5.603.344.078)	117.620.532
Thuế xuất, nhập khẩu	-	406.242.192	(406.242.192)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.795.768.141	15.261.941.906	(20.285.564.371)	5.772.145.676
Thuế thu nhập cá nhân	34.612.032	3.860.287.536	(2.008.605.345)	1.886.294.223
Thuế nhà đất	-	1.294.200	(1.294.200)	-
Tiền thuê đất	-	110.822.400	(110.822.400)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.126.503	-	10.126.503
<b>Cộng</b>	<b>11.446.518.791</b>	<b>41.921.482.190</b>	<b>(44.885.839.632)</b>	<b>8.482.161.349</b>

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:  
 Bình xít cho nông nghiệp 5%  
 Ống nhựa các loại 10%

### Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.13

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.271.793.002	98.777.001.376
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.257.922.248)	6.703.637.211
- Các khoản điều chỉnh tăng	186.145.700	6.703.637.211
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.444.067.948)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	109.013.870.754	105.480.638.587
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>30.523.883.811</b>	<b>29.534.578.804</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>(15.261.941.906)</b>	<b>(13.828.780.193)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>15.261.941.906</b>	<b>15.705.798.612</b>

### Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 5.256,40 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng với giá thuê đất theo Quyết định số 107/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006 của UBND TP. Hồ Chí Minh.

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## 15. Phải trả người lao động

Công ty thực hiện chế độ lương khoán theo doanh thu. Đơn giá tiền lương năm 2007 được duyệt theo Quyết định số 151/QĐ-BM/HĐQT/2007 ngày 25 tháng 01 năm 2007 của Hội đồng quản trị là 62 VND/1.000 VND doanh thu.

## 16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	554.185.683	135.280.171
Phải trả về cổ phần hóa	-	70.000.000
Kinh phí công đoàn	683.643.136	537.176.115
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	104.570.235	353.630.400
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	335.122.000	403.432.000
Phải trả khác	21.781.000	1.800.000
<b>Cộng</b>	<b>1.699.302.054</b>	<b>1.501.318.686</b>

## 17. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	338.471.607
Số trích lập trong năm	185.236.975
<b>Số cuối năm</b>	<b>523.708.582</b>

## 18. Vốn chủ sở hữu

### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	107.180.000.000	-	32.150.947.807	3.889.415.176	36.237.800.713	179.458.163.696
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	83.071.202.764	83.071.202.764
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	50.304.400.713	5.000.000.000	(55.304.400.713)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm trước	-	-	-	-	(7.750.000.000)	(7.750.000.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(23.579.600.000)	(23.579.600.000)
Phát hành cổ phiếu	32.154.000.000	104.020.925.000	-	-	-	136.174.925.000
Tiền thuế bị truy thu	-	-	-	-	50.568.448)	(50.568.448)
Chi khác	-	-	-	-	(225.696.183)	(225.696.183)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>139.334.000.00</b>	<b>104.020.925.000</b>	<b>82.455.348.520</b>	<b>8.889.415.176</b>	<b>32.398.738.133</b>	<b>367.098.426.829</b>
Số dư đầu năm nay	139.334.000.000	104.020.925.000	82.455.348.520	8.889.415.176	32.398.738.133	367.098.426.829
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	96.009.851.096	96.009.851.096
Tăng vốn từ lợi nhuận	1.071.800.000	-	-	-	(1.071.800.000)	-
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	19.948.901.183	4.000.000.000	(23.948.901.183)	-

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay	-	-	-	-	(6.800.000.000)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(41.907.380.000)
Chi khác	-	-	-	-	(390.500.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>140.405.800.000</b>	<b>104.020.925.000</b>	<b>102.404.249.703</b>	<b>12.889.415.176</b>	<b>54.290.008.046</b>
					<b>414.010.397.925</b>

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Số cuối năm	Số đầu năm
42.302.900.000	48.648.450.000
98.102.900.000	90.685.550.000
104.020.925.000	104.020.925.000
<b>244.426.725.000</b>	<b>243.354.925.000</b>

### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:  
Cổ tức năm trước  
Tạm ứng cổ tức năm nay

### Cộng

### Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.790.840	14.790.840
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.040.580	13.933.400
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	14.040.580	13.933.400
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.040.580	13.933.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.040.580	13.933.400
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

### Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## 19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	7.086.430.239	5.000.000.000	-	(5.333.440.800)	6.752.989.439
Quỹ phúc lợi	1.404.006.709	1.800.000.000	24.387.000	(2.404.931.623)	823.462.086
Cộng	8.490.436.948	6.800.000.000	24.387.000	(7.738.372.423)	7.576.451.525

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	680.230.929.501	503.620.755.901
- Doanh thu bán nguyên liệu	15.152.989.810	1.990.210.710
- Doanh thu bán thành phẩm	665.077.939.691	501.630.545.191
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(231.090.545)	(195.559.814)
- Hàng bán bị trả lại	(231.090.545)	(195.559.814)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>679.999.838.956</b>	<b>503.425.196.087</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán nguyên liệu	15.151.647.810	1.989.226.510
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	664.848.191.146	501.435.969.577

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của nguyên liệu đã bán	14.284.128.395	1.699.209.730
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp (a)	523.739.034.131	372.979.805.579
<b>Cộng</b>	<b>538.023.162.526</b>	<b>374.679.015.309</b>

(a) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	455.819.690.261	323.007.683.288
Chi nhân công trực tiếp	21.057.988.070	15.369.537.235
Chi phí sản xuất chung	51.994.888.383	43.812.607.991
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>528.872.566.714</b>	<b>382.189.828.514</b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(5.274.531.680)	(2.880.510.792)
<b>Tổng giá thành sản xuất</b>	<b>523.598.035.034</b>	<b>379.309.317.722</b>
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	613.510.318	(6.644.564.389)
Cộng nhập khác	55.825.053	315.052.246
Trù xuất khác	(528.336.274)	-
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b>523.739.034.131</b>	<b>372.979.805.579</b>

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.169.475.896	1.140.087.832
Lãi tiền cho vay	170.580.000	44.068.800
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.444.067.948	224.783.518
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	337.162.781	62.704.697
<b>Cộng</b>	<b>8.121.286.625</b>	<b>1.471.644.847</b>

## 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	298.149.452	851.956.780
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	176.019.197	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.755.496	6.462.669
<b>Cộng</b>	<b>509.924.145</b>	<b>858.419.449</b>

## 5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	5.655.687.497	3.449.210.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.928.913.843	3.216.454.243
Chi phí khác	11.059.916.596	4.901.830.504
<b>Cộng</b>	<b>19.644.517.936</b>	<b>11.567.495.572</b>

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.112.156.758	1.657.831.578
Chi phí nhân công	10.426.802.806	8.897.716.335
Chi phí khấu hao tài sản cố định	596.131.118	422.741.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.462.605.134	5.111.322.944
Chi phí khác	4.929.834.726	3.389.821.795
<b>Cộng</b>	<b>19.527.530.542</b>	<b>19.479.434.477</b>

## 7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	449.363.636	196.436.265
Thu tiền thanh lý vật tư	185.233.061	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	68.186.500	41.665.000
Xử lý kiểm kê thừa	-	222.345.621
Thu nhập khác	190.655.338	5.175.022
<b>Cộng</b>	<b>893.438.535</b>	<b>465.621.908</b>

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

## 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	27.367.680	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	10.126.503	-
Chi phí khác	141.782	1.096.659
<b>Cộng</b>	<b>37.635.965</b>	<b>1.096.659</b>

## 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	96.009.851.096	83.071.202.764
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	96.009.851.096	83.071.202.764
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.040.580	12.194.692
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.838</b>	<b>6.812</b>

**Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:**

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.933.400	10.718.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	107.180	1.476.692
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>14.040.580</b>	<b>12.194.692</b>

## 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	461.934.053.334	327.348.045.686
Chi phí nhân công	43.099.159.052	32.606.611.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.286.437.097	21.689.995.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.257.277.666	21.684.865.422
Chi phí khác	18.467.688.043	9.907.240.304
<b>Cộng</b>	<b>568.044.615.192</b>	<b>413.236.758.563</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thù lao Hội đồng quản trị như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Số phải trả trong năm	150.000.000	440.800.000
Số đã trả trong năm	(150.000.000)	(440.800.000)
<b>Số còn phải trả cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, BHXH, BHYT	561.437.192	609.366.295
Tiền thưởng	22.700.000	53.838.000
<b>Cộng</b>	<b>584.137.192</b>	<b>663.204.295</b>

## 2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	70,12	85,15
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	29,88	14,85
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	15,30	10,21
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	84,70	89,79
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	6,54	9,80
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,61	8,41
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,11	2,41
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	16,36	19,62
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	14,12	16,50
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	22,36	23,61
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	19,29	19,86
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	23,19	22,63

## 3. Thông Tin so sánh

Báo cáo tài chính năm trước được kiểm toán bởi Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm nay.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2008



Phùng Hữu Luận  
Người lập biểu

Trang Thị Kiều Hậu  
Kế toán trưởng

Lê Quang Doanh  
Tổng Giám đốc

## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH



Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh được thành lập từ năm 1977 với tên gọi ban đầu là Nhà máy công tư hợp doanh Nhựa Bình Minh.

Năm 1990 đổi tên thành Xí nghiệp khoa học sản xuất Nhựa Bình Minh thuộc Liên hiệp các xí nghiệp sản xuất – xuất nhập khẩu nhựa của Bộ Công nghiệp nhẹ.

Năm 1994 Công ty chính thức mang tên Công ty Nhựa Bình Minh trực thuộc Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.

Ngày 5/6/1999 khánh thành Nhà máy 2 tại Khu Công nghiệp Sóng Thần - Tỉnh Bình Dương.

Năm 2003 Công ty tiến hành cổ phần hóa và đến ngày 02/01/2004 Công ty chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh.

Công ty niêm yết tại TTGDCK TP. HCM ngày 11/07/2006. Đến tháng 11/2006 Công ty tăng vốn điều lệ từ 107.180.000.000 đồng lên 139.334.000.000 đồng.

Ngày 21/12/2007 khánh thành Công TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc tại Khu Công nghiệp Phố Nối A - Tỉnh Hưng Yên.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là ngành Nhựa công nghiệp và vật liệu xây dựng, sản phẩm chủ yếu là ống và phụ tùng ống nhựa uPVC, HDPE các loại, bình xịt và nón bảo hộ lao động.

Trong quá trình phát triển, Công ty đã đạt được những thành tích như sau:

- **Huân chương Độc lập Hạng Ba trong năm 2005.**
- **Huân chương Lao động hạng nhất năm 2002.**
- **Huân chương Lao động hạng nhì năm 1996.**
- **Huân chương Lao động hạng ba năm 1988.**
- **4 năm liên tục 2004 - 2007 được tặng cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ.**
- **Thương hiệu Bình Minh 12 năm liền (1997-2008) đạt danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao".**
- **Giải thưởng "Sao Vàng Đất Việt" năm 2003, 2005, 2007.**

# TỔNG HỢP SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG TRONG 05 NĂM 2003-2007

## 1. Bảng số liệu tổng hợp trong 5 năm (2003 – 2007)

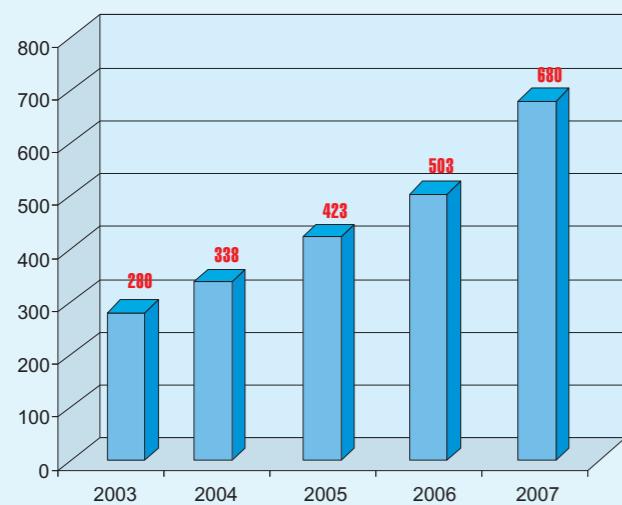
Điển giải/ năm	2003	2004	2005	2006	2007
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	107	107	107	139	147,9 (*)
Doanh thu (tỷ đồng)	280	338	423	503	680
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	24	33	67	98	111
Nộp ngân sách (tỷ đồng)	35,5	31	23	21	44,4
Đầu tư (tỷ đồng)	51	31	11	2,6	58,3
Sản lượng (tấn)	15,351	17,530	20,414	23,376	28,297
Lao động (không tính lao động công nhặt)	416	415	428	424	437

(\*) Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 147.908.400.000 đồng. Tương đương 14.790.840 cổ phần mệnh giá 10.000 đ/cổ phần.

Trong đó :

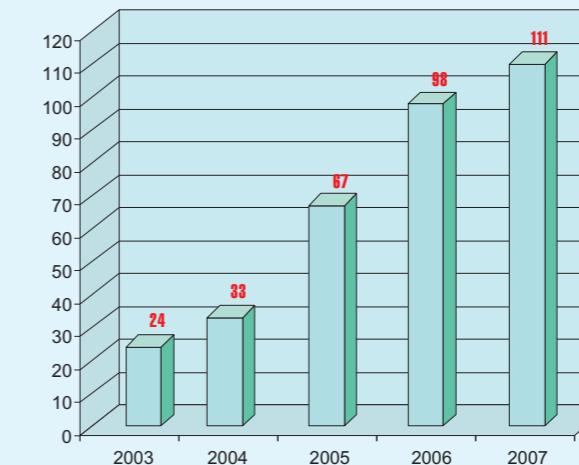
- Đã phát hành : 14.040.580 cổ phiếu
- Đang niêm yết : 13.933.400 cổ phiếu
- Chưa niêm yết : 107.180 cổ phiếu (là cổ phiếu thường cho CBCNV)

## 2. Biểu đồ doanh thu



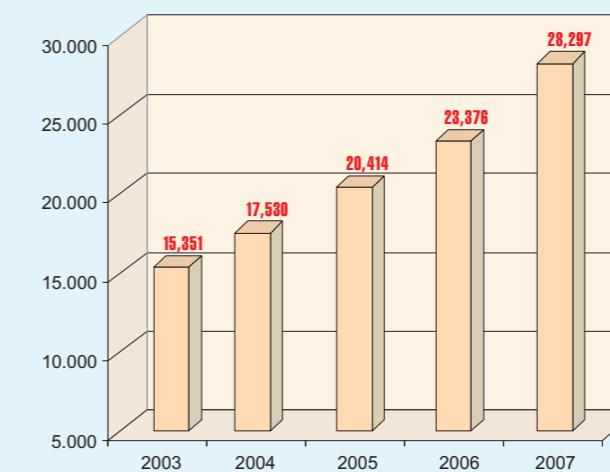
Biểu đồ doanh thu từ năm 2003 đến năm 2007

## 3. Biểu đồ lợi nhuận



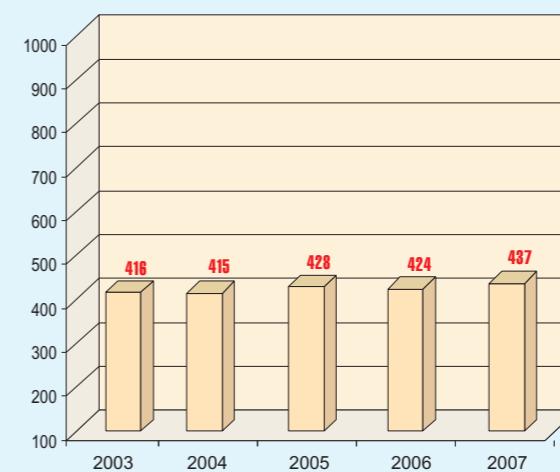
Biểu đồ lợi nhuận trước thuế  
từ năm 2003 đến năm 2007

## 4. Biểu đồ sản lượng



Biểu đồ sản lượng từ  
năm 2003 đến năm 2007

## 5. Biểu đồ lao động



# THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



## 1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Tổng Giám đốc

- Họ và tên : LÊ QUANG DOANH
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/02/1952
- Nơi sinh : Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Cửu Cao – Văn Giang
  - Tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : 573/6 Sư Vạn Hạnh (nối dài)  
P. 13, Q. 10, TP.HCM
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Cơ Khí
- Chức vụ hiện nay : Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
Tổng Giám Đốc
- Số cổ phần nắm giữ : 161.700 cổ phần thuộc sở hữu  
4.245.290 cổ phần đại diện  
sở hữu



## 2. Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

- Họ và tên : NGUYỄN HOÀNG NGÂN
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/01/1962
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phổ Cường, Đức Phổ,  
Tỉnh Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : 55/9 Thành Mỹ, P.8,  
Q. Tân Bình, TP.HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan : 08-9690973
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay : Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
Phó Tổng Giám đốc Kỹ Thuật
- Số cổ phần nắm giữ : 134.000 cổ phần

# THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



## 3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ KIM YẾN
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 10/11/1960
- Nơi sinh : Phổ Thuận, Đức Phổ,  
Tỉnh Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phổ Thuận, Đức Phổ,  
Tỉnh Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : 21 Nguyễn Văn Phú, P.5,  
Q.11, TPHCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Doanh nghiệp
- Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội Đồng Quản Trị  
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh
- Số cổ phần nắm giữ : 98.400 cổ phần



## 4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị Kế toán trưởng

- Họ và tên : TRANG THỊ KIỀU HẬU
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 04/01/1959
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Vân, Bình Sơn,  
Tỉnh Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : V5 Ba Vì, CX Bắc Hải,  
P.15, Q. 10, TP.HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay : Thành Viên Hội Đồng Quản Trị  
Kế Toán Trưởng
- Số cổ phần nắm giữ : 92.300 cổ phần

## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



### 5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Họ và tên : BÙI QUANG KHÔI
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 17/01/1960
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thị Xã Trà Vinh,  
Tỉnh Trà Vinh
- Địa chỉ thường trú : 9/54 Phạm Văn Hai,  
P. 1, Q. TB, TP.HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí
- Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội Đồng Quản Trị  
Giám đốc Nhà máy 2
- Số cổ phần nắm giữ : 19.200 cổ phần



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**

240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh  
ĐT: 9690 973 • Fax: 9606 814 • [www.binhminhplastic.com](http://www.binhminhplastic.com)